

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 561/QĐ-UBND

Gia Bình, ngày 09 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ QL.17 đi thôn Xuân Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD, ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD, ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 753/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 486/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc công bố Bảng đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 549/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình tại Tờ trình số 09/TTr-BQLDA ngày 24/3/2025; Báo cáo thẩm định số 138/BCTĐ-



PKTHT&ĐT ngày 09/4/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện về việc Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ QL.17 đi thôn Xuân Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ QL.17 đi thôn Xuân Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ QL.17 đi thôn Xuân Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Lai, huyện Gia Bình.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Gia Bình

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện Gia Bình.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng H.D.T.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B; Công trình giao thông, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, tạo sự kết nối với các tuyến đường chính từ đó thu hút các dự án, các nhà đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong khu vực và các vùng xung quanh.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô dự án: Đầu tư xây cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL.17 đi thôn Xuân Lai có tổng chiều dài 2000,05m. Điểm đầu tuyến Km0+00 giao với Quốc lộ 17 tại Km 26+140; Điểm cuối tuyến Km2+00 giao với đường bê tông thôn Xuân Lai, xã Xuân. Vận tốc thiết kế:  $V_{tk}=60\text{km/h}$

Quy mô mặt cắt ngang đường: Chiều rộng nền đường:  $B_n = 0.75 + 10.5 + 0.75 = 12\text{m}$

Trong đó: Bề rộng lề hai bên: 0.75m; Mặt đường hai bên:  $B_{mặt} = 2 \times 5.25\text{m}$

Độ dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt} = 2\%$ ;

Đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ đoạn tuyến bao gồm các hạng mục: Nền đường, mặt đường cấp cao A1, hệ thống mương tiêu, cống ngang đường, hệ thống an toàn giao thông, hệ thống điện chiếu sáng;

## 8.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

### \* Nền, mặt đường:

- Nền đường: Bóc toàn bộ lớp hữu cơ ruộng dày từ 0.5-1m. Nền đường đắp bằng cát đầm chặt K95. Lớp trên cùng tiếp giáp với kết cấu mặt đường đắp cát lu lèn độ chặt K98 dày 30cm.

- Mặt đường: Cường độ mặt đường tính toán:  $E_{yc}=155\text{Mpa}$ . Tải trọng thiết kế:  $P_{tt}=120\text{KN}$ . Kết cấu mặt đường:

+ Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 5cm.

+ Lớp nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup>.

+ Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

+ Lớp nhựa thấm bám 1 kg/m<sup>2</sup>.

+ Đá dăm cấp phối loại I dày 18cm.

+ Đá dăm cấp phối loại II dày 32cm.

+ Vải địa kỹ thuật 25KN/m<sup>2</sup>.

- Vuốt nổi: 2 loại kết cấu

+ Loại 1 có kết cấu: Lớp BTXM M300; lớp nilon ngăn cách; cấp phối đá dăm loại I; lớp nền đầm chặt K95;

+ Loại 2 có kết cấu: Bê tông nhựa C19 dày 7cm; lớp nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup>; cấp phối đá dăm loại I; bù vênh cấp phối đá dăm loại I;

\* Xử lý nền đất yếu: Bằng cách cấy bấc thấm xuống lòng đường và đóng cọc gỗ;

### \* Hệ thống thoát nước:

- Hoàn trả kênh tiêu: Xây dựng kênh tiêu bên phải tuyến chạy dọc tuyến bằng BTCT kích thước BxH = 2x2.25 và 1x1.5m;

- Bố trí hệ thống thoát nước ngang đường bằng cống tròn BTCT D1500 và cống hộp có kích thước BxH = 2x2.5; 2x(2x1.8)m và 2x2m; 2x(3x2) đầu nối với hệ thống kênh tiêu

- Hồ ga: Đổ bằng BTCT M200 trên lớp bê tông lót M100; tấm đan ga bằng BTCT M200 có bố trí nắp ga bằng composite TT 400KN;

- Cải mương đất có chiều rộng B=1,5m và mái taluy đắp đất K90;

\* An Toàn giao thông: Bố trí hệ thống biển báo sơn kẻ đường và cọc tiêu theo QCVN 41:2019/BGTVT;

\* Hệ thống điện chiếu sáng:

- Cột đèn chiếu sáng giao thông bố trí 1 bên đường: Sử dụng cột thép liền cần cao 11m dày 4mm; Bóng led 150W;

- Móng cột đèn: Sử dụng BTXM M200 đá 1x2; lắp đặt khung móng liền kết với cột;

- Dây cáp điện: Sử dụng cáp đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV có tiết diện (4x16)mm<sup>2</sup>, dây lên đèn Cu/PVC/PVC- 3x1,5mm<sup>2</sup> cấp nguồn cho đèn Led;

- Điều khiển: Sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng tự động.

- Tiếp địa lặp lại cho dây trung tính sử dụng bộ tiếp địa T4C-1,5; tiếp địa an toàn sử dụng bộ tiếp địa T1C-1,5.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế; danh mục Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn áp dụng:

- QCVN 07: 2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 41-2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 01:2020/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

- TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 13592:2022 Đường đô thị - yêu cầu thiết kế;

- TCCS 37:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở thiết kế áo đường mềm – Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở thiết kế áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 4054:2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;

- TCVN 7957 - 2023: Thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài;

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574:2018 Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và BTCT.
- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 13608:2023: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 13606:2023: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9070:2012 Ống nhựa gân xoắn HDPE;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất – thi công và nghiệm thu;
- 11-TCN-18-2006, 11-TCN-19-2006, 11-TCN-20-2006, 11-TCN-21-2006: Các tiêu chuẩn kỹ thuật của quy phạm trang bị điện: do Bộ công nghiệp ban hành năm 2006;
- TCXDVN 333:2005 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **94.408.000.000 đồng** (Chín mươi tư tỷ, bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	11.620.244.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	69.515.874.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.197.898.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.767.875.000	đồng
- Chi phí khác:	1.301.651.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	7.004.458.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện, đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành; hoàn thiện nội dung của Dự án theo Báo cáo thẩm định số 138/BCTĐ-PKTHT&ĐT ngày 09/4/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Gia Bình.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng giao dịch số 6 - Kho Bạc nhà nước khu vực V, Ban Quản lý các dự án xây dựng huyện và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lương Trung Hậu**

